

BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GÓC

Điều kiện sống, lao động và tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản của người lao động tỉnh Đồng Tháp làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2018 – 2020

Lê Thị Kim Ánh^{1*}, Lê Bích Ngọc¹, Nguyễn Thu Thủy¹, Nguyễn Quang Vinh²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu này nhằm mô tả điều kiện sống, lao động và tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản của người lao động xuất khẩu của tỉnh Đồng Tháp năm 2018-2020.

Phương pháp: thiết kế cắt ngang mô tả, phỏng vấn qua điện thoại và điền phiếu thu thập qua phần mềm KoboToolbox trên 102 người được lựa chọn thuận tiện dựa vào danh sách người lao động xuất khẩu về địa phương.

Kết quả: 91,2% đối tượng ở tại nhà được công ty thuê, chủ yếu ở cùng người Việt và khoảng 50% đi bộ đến địa điểm làm việc. Khoảng 70% NLD có bảo hiểm y tế tại nước sở tại và chỉ có 55,9% có bảo hiểm xã hội. 88,2% đối tượng cho biết có thu nhập đảm bảo và có thể tiết kiệm, và khoảng 97% cho biết được sống ở nơi có an ninh tốt. Khoảng 47% đối tượng cho biết công việc rất vất vả, đa số là công việc có tính lặp đi lặp lại và ít sáng tạo và trên 90% đối tượng đánh giá tốt về môi trường nơi làm việc và mối quan hệ với các đồng nghiệp và cấp trên.

Kết luận: Người lao động xuất khẩu của Đồng Tháp có điều kiện sinh sống, điều kiện lao động, thu nhập và việc tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản tại nước sở tại tốt. Tuy nhiên các ngành nghề lao động chưa đòi hỏi nhiều tay nghề chuyên môn và tính sáng tạo, có thể ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực này khi quay về địa phương sau XKLD.

Từ khóa: Xuất khẩu lao động, điều kiện sống, điều kiện làm việc, dịch vụ xã hội.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Di cư lao động đang là xu hướng toàn cầu ngày càng gia tăng, tạo cơ hội cải thiện sinh kế và thu nhập ở các nước phát triển và đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Theo Cục Quản lý lao động ngoài nước (Vietnamese Department of Overseas Labour – DOLAB), hiện có khoảng 500.000 người Việt Nam đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn trên hơn 40 quốc gia với 30 ngành nghề khác nhau từ lao động phổ thông đến lao động có tay nghề (1). Thu nhập của người lao động (NLD) ở các nước rất khác

nau, tùy thuộc vào trình độ tay nghề và đào tạo của NLD cũng như nhu cầu công việc của các nước tiếp nhận. Theo một báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế và Tổ chức Di cư Quốc tế (International Organization for Migration - IOM), yêu cầu làm việc ở nước nhập cư đòi hỏi cao và tiền lương trả không tương xứng. NLD Việt Nam có thời giờ làm việc kéo dài (10 giờ/ngày), hầu như tất cả các ngày trong tuần (6,3 ngày/tuần) với mức lương 357 USD/tháng (2).

Việt Nam hiện nay có rất ít các nghiên cứu tìm hiểu về điều kiện sống và môi trường làm



*Địa chỉ liên hệ: Lê Thị Kim Ánh

Email: ltka@huph.edu.vn

¹Trường Đại học Y tế công cộng

²Trường Cao đẳng y tế Đồng Tháp

Ngày nhận bài: 06/10/2021

Ngày phản biện: 15/10/2021

Ngày đăng bài: 30/12/2021

Mã DOI: <https://doi.org/10.38148/JHDS.0506SKPT21-075>

việc của NLD di cư sang nước ngoài để làm việc. Một nghiên cứu tại Lebanon về NLD Syrian di cư cho thấy 47% cho biết họ đang có các vấn đề về sức khỏe, điều kiện sống khá tồi tàn và chỗ ở chật chội, trung bình 6 người ở trong 1 phòng (3). Một nghiên cứu tại Jordan cho thấy phần lớn NLD không gặp phải các vấn đề như thiếu nước sạch, không có nhà vệ sinh sạch, không đủ nước uống, thiếu thức ăn hoặc thức ăn không có chất lượng tốt, hoặc không có đủ quần áo sạch. Tuy nhiên chỉ có 25% NLD có bảo hiểm y tế và một tỷ lệ lớn lao động phàn nàn về số giờ phải làm việc, quyền được nghỉ các ngày lễ thường niên (4).

Tại Đồng Tháp, với phương châm “Ra đi làm thuê, trở về làm chủ”, tỉnh đã đưa số lượng NLD xuất khẩu giai đoạn 2016-2020 dẫn đầu các tỉnh khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Thu nhập của NLD dao động khoảng 15-27 triệu/tháng. NLD tại Nhật Bản và Hàn Quốc có mức bình quân cao nhất khoảng 27 triệu đồng/tháng và sau khi trừ các khoản chi phí, mỗi người có thể tích lũy 20 triệu/tháng. Còn tại Đài Loan, NLD cũng có thể tích lũy khoảng 15 triệu/tháng, sau khi đã trừ các khoản chi phí khác (5). Mặc dù các địa bàn xuất khẩu lao động (XKLD) được tỉnh lựa chọn kỹ lưỡng, nhưng cho đến nay chưa có nghiên cứu đánh giá điều kiện sống, lao động và tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản của NLD tại nước ngoài, do đó nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu mô tả điều kiện sống, lao động và tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản của NLD xuất khẩu của tỉnh Đồng Tháp năm 2018-2020.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả.

Thời gian và địa điểm: Nghiên cứu thực hiện thu thập trong năm 2021 tại tỉnh Đồng Tháp.

Đối tượng nghiên cứu: NLD xuất khẩu quay

về địa phương nửa cuối năm 2019 và 2020 với tiêu chí từ 18 tuổi trở lên và có hộ khẩu tại tỉnh Đồng Tháp.

Cỡ mẫu và chọn mẫu: Sử dụng công thức ước lượng một tỷ lệ để ước lượng tỷ lệ người XKLD có điều kiện sống, làm việc, thu nhập và được tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản. Do chưa có nghiên cứu nào về tỷ lệ này, chúng tôi sử dụng tỷ lệ 50% để đạt được cỡ mẫu lớn nhất. Với sai số tuyệt đối có thể chấp nhận 10% và 5% dự kiến mất mẫu, cỡ mẫu cần thiết là 102 người. Chúng tôi sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Dựa trên khung mẫu là danh sách NLD xuất khẩu được cung cấp từ Sở Lao động - Thương binh - Xã hội tỉnh, loại bỏ các đối tượng không có hộ khẩu tại tỉnh Đồng Tháp.

Công cụ và biến số: Công cụ đánh giá điều kiện sống và làm việc dựa trên tham khảo bộ công cụ Karasek-Job Content Questionnaire đã được chuẩn hóa tại Việt Nam (6) và bổ sung các nội dung về thu nhập và tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản như chăm sóc y tế. Các đánh giá về điều kiện lao động và môi trường làm việc trong bộ công cụ này dựa trên nhận xét (tự đánh giá – self-reported) của người lao động.

Phương pháp thu thập và phân tích số liệu

Thông tin định lượng được thu thập bằng biểu mẫu thu thập qua mạng. Dựa trên danh sách khung mẫu kèm số điện thoại của NLD, điều tra viên gọi điện và xin phép gửi đường dẫn công cụ phỏng vấn được thiết kế sẵn trên nền tảng KoBo Toolbox.

Số liệu thu thập từ KoBo Toolbox được chuyển sang Excel, các số liệu sau đó chuyển Stata và xử lý bằng Stata 12.0. Các phương pháp thống kê mô tả được sử dụng bao gồm mô tả tần số, tỷ lệ đối với biến định tính và trung bình, độ lệch chuẩn đối với các biến định lượng.

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu đã được chấp thuận của Hội đồng Đạo đức - Trường

Đại học Y tế Công cộng theo QĐ 228/2020/YTCC-HĐ3 ngày 22 tháng 5 năm 2020 và được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Tháp thông qua và UBND tỉnh Đồng Tháp đồng ý thực hiện.

Nghiên cứu thu thập thông tin 102 NLD xuất khẩu về địa phương năm 2019-2020. Tỷ lệ nam cao hơn nữ và đa số tuổi dưới 30. Đa số có trình độ học vấn từ trung học phổ thông (THPT) trở lên (khoảng 94%). Gần 40% NLD là nguồn thu nhập chính trong gia đình và 73,5% chưa từng được đào tạo nghề trước khi đi XKLD (Bảng 1).

KẾT QUẢ

Bảng 1. Thông tin chung của người lao động XKLD tham gia NC (n=102)

Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ %	Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	57	55,9	Vai trò kinh tế	Là nguồn thu nhập chính	39	38,2
	Nữ	45	44,1		Đóng góp một nửa	36	35,3
Nhóm tuổi	< 25 tuổi	21	20,6		Đóng góp một phần nhỏ	24	23,5
	25 – 29 tuổi	54	52,9		Không phải lo kinh tế gia đình	3	3,0
	30 – 34 tuổi	15	14,7	Đào tạo nghề chính quy	Chưa được đào tạo	75	73,5
	>34 tuổi	12	11,8		Có, tự tham gia	15	14,7
Trình độ học vấn	THCS	6	5,9		Có, được công ty XKLD đào tạo	12	11,8
	THPT	48	47,1	Tình trạng hôn nhân	Chưa kết hôn	51	50
	SC/TC	9	8,8		Có vợ/chồng	48	47,1
CD/ĐH trở lên	39	38,2	Ly thân, ly hôn, góa		3	2,9	

Bảng 2 cho thấy trong mẫu NC có đến 70,6% NLD xuất khẩu làm việc tại Nhật Bản, được trả lương hàng tháng tuy nhiên có 17,6% thỉnh thoảng bị chậm lương và 20,6% thường

xuyên làm việc tăng ca khi ở nước ngoài. Gần 45% NLD mong muốn đi XKLD tiếp tục và khoảng 26% mong muốn được tiếp tục công việc đã làm trước khi về nước lần này.

Bảng 2. Thông tin về lần XKLD gần nhất (n=102)

	Đặc điểm	Tần số	Tỷ lệ %		Đặc điểm	Tần số	Tỷ lệ %
Lĩnh vực lao động	Xây dựng	12	11,8	Làm việc tăng ca	Không	15	14,7
	Dệt may	3	2,9		Thỉnh thoảng	66	64,7
	Điện/điện tử	24	23,5		Thường xuyên	21	20,6
	Khác (thực phẩm)	63	61,8	Trả lương đúng hạn	Có	84	82,4
Nhật Bản	72	70,6	Thỉnh thoảng chậm		18	17,6	
Nước lao động	Hàn Quốc	12	11,8	Dự định XKLD tiếp	Có, tiếp tục việc đang làm	27	26,5
	Đài Loan	18	17,6		Có, nhưng chuyển công việc khác	18	17,6
Trả lương	Hàng tháng	102	100		Không	57	55,9

Đa số (91,2%) NLD khi làm việc tại nước sở tại ở tại nhà được công ty thuê, chủ yếu ở cùng người Việt và khoảng ½ NLD đi bộ đến địa điểm làm việc. Khoảng 70% NLD có bảo hiểm y tế (BHYT) tại nước sở tại và

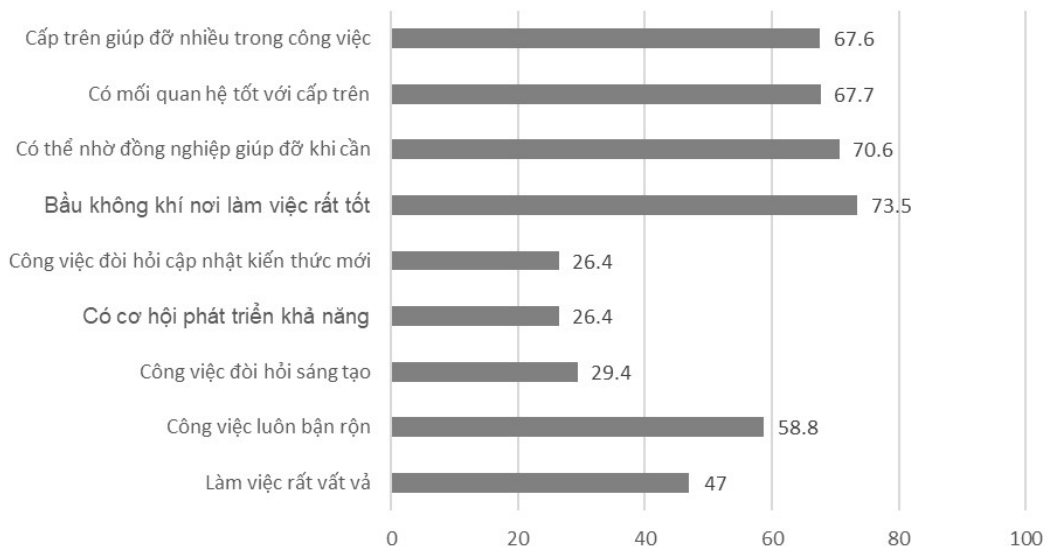
chỉ có 55,9% có bảo hiểm xã hội (BHXH). Bảng 3 cũng cho thấy 88,2% NLD cho biết là nguồn thu nhập khi XKLD đảm bảo và có thể tiết kiệm và khoảng 97% NLD cho biết được sống ở nơi có an ninh tốt.

Bảng 3. Điều kiện sống tại nước sở tại (n= 102)

	Đặc điểm	Tần số	Tỷ lệ %		Đặc điểm	Tần số	Tỷ lệ %
Nơi ở	Nhà trọ tự thuê	6	5,9	BHXH nước sở tại	Không có	18	17,6
	Nhà công ty thuê	93	91,2		Có	57	55,9
	Khác	3	2,9		Không biết/trả lời	27	26,5
Hình thức ở	Ở một mình	3	2,9	Thu nhập	Đảm bảo và có tiền tiết kiệm	90	88,2
	Ở cùng người Việt	96	94,1		Đảm bảo nhưng không có tiết kiệm	9	8,8
	Ở cùng người nước ngoài	3	2,9		Sống vất vả và để tiết kiệm	3	2,9
Phương tiện đi làm	Đi bộ	51	50,0	Nguồn thông tin	Tivi, đài	15	14,7
	Xe đạp	30	29,4		Internet	78	76,5
	Xe buýt tự trả	3	2,9		Gọi điện thoại	3	2,9
	Xe công ty đưa đón	18	17,6		Khác	6	5,9
BHYT ở nước sở tại	Không có	9	8,8	An ninh nơi sinh sống	Không đảm bảo an toàn	3	2,9
	Có	72	70,6		Đảm bảo an toàn	99	97,1
	Không biết/ trả lời	21	20,6				

Biểu đồ 1 trình bày một số nội dung chính về điều kiện làm việc của NLD tại nước sở tại. Khoảng 47% NLD cho biết công việc rất vất vả và gần 60% NLD cho rằng công việc rất bận rộn. Chỉ khoảng 1/4 NLD cho rằng công việc đòi hỏi kiến thức mới, sáng tạo và có cơ hội phát triển bản thân. Đa số NLD đánh giá

tốt về môi trường nơi làm việc và mối quan hệ với các đồng nghiệp và cấp trên, cụ thể, khoảng 2/3 NLD đánh giá có mối quan hệ tốt với cấp trên và được cấp trên hỗ trợ giúp đỡ trong công việc, trên 70% đánh giá bầu không khí tại nơi làm việc rất tốt và đồng nghiệp sẵn sàng giúp đỡ khi cần.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ NLD đồng ý và rất đồng ý về các nhận định liên quan đến điều kiện lao động tại nước ngoài trong vòng 1 tháng trước khi về Việt Nam (n= 102)

Bảng 4. Điều kiện môi trường làm việc (n=102)

Điều kiện môi trường làm việc	Tỷ lệ %					
	Mức độ tiếp xúc			Ảnh hưởng sức khỏe		
	Không tiếp xúc	Ít/theo mùa	Nhiều	Không	Ít/hoi khó chịu	Lớn/rất khó chịu
Nóng	23,5	64,7	11,8	34,6	57,7	7,7
Nắng	41,2	50,0	8,8	25,0	60,0	15,0
Lạnh	8,8	76,5	14,7	25,8	61,3	12,9
Không khí ẩm ướt	35,3	58,8	5,9	27,3	59,1	13,6
Khói, bụi	50,0	41,2	8,8	29,4	58,8	11,8
Tiếng ồn	38,2	44,1	17,6	28,6	57,1	14,3
Tối, không đủ sáng	79,4	20,6	0	42,9	57,1	0
Hơi khí độc	85,3	14,7	0	40,0	60,0	0
Vật sắc nhọn	55,9	29,4	14,7	66,7	26,7	6,7
Bị người khác đe dọa tinh thần	82,4	14,7	2,9	0	100	0

Như đã đề cập trong phần Phương pháp nghiên cứu, việc đánh giá điều kiện môi trường làm việc cũng dựa trên tự đánh giá/tự báo cáo của NLD. Bảng 4 cho thấy môi trường (vật lý) làm việc được NLD đánh giá khá tốt với tỷ lệ tiếp xúc với các điều kiện bất lợi như nóng, lạnh, khói bụi ít, cụ thể có 64,7% và 76,5% NLD cho rằng có tiếp xúc ít hoặc theo mùa với điều kiện làm việc nóng hoặc lạnh và 23,5% và 8,8% NLD không làm việc trong những môi trường này.. Phần lớn đều cảm thấy không bị người khác đe dọa về tinh thần và thể chất trong môi trường làm việc.

BÀN LUẬN

Việc XKLD thường được nhìn nhận ở góc độ NLD chuyển tiền về nước cho gia đình và tích lũy cho bản thân, điều này được tìm thấy trong khảo sát tại Lào, Campuchia, Myanmar và Việt Nam (2). Tuy nhiên, khảo sát này cũng đề cập việc nhấn mạnh vào đóng góp kinh tế có thể chưa đánh giá được đầy đủ kết quả di cư lao động với NLD làm trung tâm, chính vì thế khảo sát của IOM đã đưa ra Chỉ số tác động di cư (Migration Outcomes Index - MOI) với 4 chỉ số về tài chính và 4 chỉ số về xã hội (điểm càng cao chứng tỏ có tác động tiến bộ) và cho thấy NLD xuất khẩu Việt Nam có điểm MOI trung bình cao hơn các nước còn lại (2, 7). Mặc dù vậy, điều kiện sống, làm việc và tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản tại nước sở tại của NLD cần được đánh giá.

Nghiên cứu của chúng tôi đã cho thấy đa số NLD có điều kiện sống khá tốt tại nước sở tại, được công ty thuê nhà ở và an ninh tốt, có thu nhập được đánh giá là đảm bảo và có tiền tiết kiệm. Điều này cũng được tìm thấy trong khảo sát của IOM khi thấy rằng tất cả NLD xuất khẩu đều gửi tiền về hỗ trợ gia đình (2, 7, 8). Cũng theo tính toán của Bộ Lao động-Thương binh-Xã hội tại thời điểm năm 2011 thì mức tiết kiệm trung bình hàng năm của mỗi người lao động là khoảng 4.000 USD,

đóng góp đáng kể vào tiêu dùng của hộ gia đình và đầu tư cá nhân có nhiều năm làm việc ở nước ngoài (8).

Bên cạnh điều kiện sống và thu nhập khá tốt, NLD trong nghiên cứu của chúng tôi có điều kiện làm việc khá thân thiện khi hầu hết đều cảm thấy có mối quan hệ tốt với các đồng nghiệp và cấp trên, điều kiện làm việc (vật lý) không khắc nghiệt hay ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe. Kết quả này khác với kết quả khảo sát của IOM ở NLD xuất khẩu tại các thị trường như Thái Lan và Malaysia khi có đến 76% NLD gặp một số hình thức vi phạm quyền lao động và ít được tiếp cận với các biện pháp giải quyết pháp lý (2). Trong khi đó, NLD trong NC của chúng tôi chủ yếu xuất khẩu đến các nước Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan và đặc biệt 3 thị trường này, cùng với các đối tác lao động tại các nước sở tại đã được tỉnh Đồng Tháp khảo sát và đánh giá, do đó đảm bảo được điều kiện làm việc hợp lý cho NLD (5).

Tuy nhiên, khoảng 73% NLD chưa được đào tạo nghề khi XKLD, công việc được đánh giá là lặp đi lặp lại và ít tính sáng tạo, đa số NLD làm việc trong các lĩnh vực không đòi hỏi cao về kỹ thuật như xây dựng, dệt may hay điện-điện tử. Đây cũng có thể sẽ là một thách thức với kỳ vọng của tỉnh trong việc xem nguồn lao động xuất khẩu là nguồn nhân lực chất lượng cao có tay nghề để có thể tham gia phát triển thị trường lao động và sản xuất của tỉnh (5). Điều này cũng đã được nêu ra trong báo cáo chính sách và thực tiễn về lao động xuất khẩu ở Việt Nam từ năm 2012, đó là so với mức trung bình của cả nước, NLD xuất khẩu thường có trình độ chuyên môn kỹ thuật và tay nghề thấp hơn. Tuy nhiên, các nghiên cứu về NLD xuất khẩu trở về Việt Nam cũng lưu ý rằng những NLD này có các kỹ năng ngôn ngữ, phong cách làm việc, kỷ luật và kiến thức xã hội được cải thiện khi họ trở về, và điều này có thể góp phần nâng cao chất lượng làm việc của họ (8). Điều này đặt ra thách thức cho chiến

lược XKLD tiếp theo của tỉnh Đồng Tháp để nâng cao chất lượng lao động của tỉnh.

Nghiên cứu có hạn chế là không phỏng vấn trực tiếp NLĐ do NLĐ sau khi về được ở không tập trung tại tỉnh Đồng Tháp mà di cư làm việc tại các tỉnh khác, do đó với nguồn lực cho phép, nghiên cứu đã gửi phiếu tự điền trên nền tảng web và bổ sung thông tin qua điện thoại khi cần. Điều này có thể làm tăng sai số nhớ lại của đối tượng khi hỏi về các vấn đề trong quá khứ. Tuy nhiên qua bàn luận so sánh đối chiếu với các nghiên cứu khác đã cho thấy kết quả nghiên cứu đã đảm bảo trả lời chính xác cho mục tiêu nghiên cứu về mô tả điều kiện sống, lao động và tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản của NLĐ xuất khẩu của tỉnh Đồng Tháp năm 2018-2020.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã cho thấy hầu hết người XKLD của tỉnh Đồng Tháp có điều kiện sinh sống, điều kiện lao động, thu nhập và việc tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản tại nước sở tại tốt, không gặp quá nhiều các vấn đề tiêu cực về điều kiện sống, lao động và lương. Tuy nhiên còn có một số vấn đề về ngành nghề lao động khi tham gia XKLD chưa đòi hỏi nhiều tay nghề chuyên môn và tính sáng tạo, có thể ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực này khi quay về địa phương sau XKLD.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục quản lý lao động ngoài nước. Báo cáo tổng kết công tác năm 2017. Hà Nội, Việt Nam: Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội; 2017.
2. Tổ chức Lao động Quốc tế và Tổ chức Di cư Quốc tế. Rủi ro và lợi ích: Tác động của di cư lao động ở Đông Nam Á. Những phát hiện chính ở Việt Nam. Bangkok, Thailand; 2018. Contract No.: ISBN 978-92-2-131410-3.
3. Rima R Habib, Diana Mikati, Safa Hojeij, Khalil El Asmar, Monique Chaaya, Rami Zurayk. Associations between poor living conditions and multi-morbidity among Syrian migrant agricultural workers in Lebanon. *Eur J Public Health*. 2016;26(6):1039-44.
4. International Organization for Migration. Assessment of Health Needs and Living Conditions of Migrants in Jordan 2011–2012. Geneva, Switzerland; 2012.
5. Sở Lao Động- Thương binh - Xã hội. Báo cáo tổng kết công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài năm 2019. Đồng Tháp, Việt Nam; 2019.
6. Thi Giang Hoang, Marc Corbiere, Alessia Negrini, Minh Khue Pham, Daniel Reinharz. Validation of the Karasek-Job Content Questionnaire to Measure Job Strain in Vietnam. *Psychological Reports: Employment Psychology & Marketing*. 2013;113(2):363-79.
7. International Labour Organization, International Organization for Migration. Risks and rewards: Outcomes of labour migration in South-East Asia. Thailand; 2017.
8. Department of Overseas Labour. Returning Vietnamese migrant workers: Policy and Practice. Hanoi, Vietnam: Ministry of Labour - Invalids and Social Affairs; 2012.

Living, working conditions and access to basic social services of Dong Thap province workers working abroad in the period of 2018 – 2020

Le Thi Kim Anh¹, Le Bich Ngoc¹, Nguyen Thu Thuy¹, Nguyen Quang Vinh²

¹Hanoi University of Public Health

²Dong Thap Medical College

Objective: This study aims to describe the living, working conditions and access to basic social services of oversea migrant workers of Dong Thap province in 2018-2020. **Methods:** We used a descriptive cross-sectional study that collected information from 102 workers through KoboToolbox software. **Results:** 91.2% of subjects lived in houses rented by their company, mainly living with Vietnamese people. About 70% had health insurance in the host country and only 55.9% had social insurance. Around 88% of subjects earned good and they could save their income, and about 97% lived in a good security places. About 47% assessed their work as hard, but most of working activities were repetitive and less creative. Over 90% rated their working environment well and good relationship with their colleagues. **Conclusion:** Strategy of partner assessment before sending workers oversea of Dongthap province brought good living and working conditions for workers. The province needs to have a plan for preparing human resources, especially vocational training before exporting oversea. This makes the local goverment could enhance human resources of the province in the future.

Keywords: *Labor export, living conditions, working conditions, social services*